

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp cận CDIO theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Vinh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường ĐHSV Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định tạm thời về đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ hướng dẫn 03/HD-ĐHV ngày 11/17/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Hướng dẫn xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này dựn bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh. (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Bản mô tả chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Vinh nhằm phục vụ công tác tổ chức đào tạo, tư vấn tuyển sinh, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đào tạo, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các khoa, viện đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các khoa, viện;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: HCTH, ĐT.



BẢN MÔ TẢ

Chương trình đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ

Ngành: ĐIỀU DƯỠNG

*(Ban hành theo Quyết định số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/9/2019 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

I. Thông tin chung

1. Tên ngành:

- Tiếng Việt: Điều dưỡng

- Tiếng Anh: Nursing

2. Mã số ngành đào tạo: 77.20.301

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Thời gian đào tạo: 4 năm

5. Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Cử nhân Điều dưỡng

6. Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Viện Công nghệ Hóa sinh – Môi trường

7. Chương trình đối sánh:

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Điều dưỡng của các trường trong nước gồm: Đại học Y Hà Nội; Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, Đại học Y tế Công cộng; Đại học Y Dược TPHCM; Đại học Y dược – Đại học Huế; Đại học Y Thái Bình; Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên, Đại học Y Dược Cần Thơ, Đại học Y khoa Vinh và các trường nước ngoài gồm: Trường Điều dưỡng, Đại học Công nghệ Queensland (Úc); Trường California States University –Long Beach (Hoa kỳ); Trường Đại học Khoa học ứng dụng Alice Salomon Berlin (Đức).

Hình thức đào tạo: Chính quy – Tập trung

8. Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

9. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tham gia kỳ thi THPT Quốc gia hàng năm và đã tốt nghiệp THPT.

- Hình thức tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 100 sinh viên/năm.

10. Điều kiện nhập học

- Thí sinh đủ điểm trúng tuyển vào ngành Điều dưỡng.

- Đảm bảo đủ sức khỏe theo quy định cho các ngành nghề đào tạo.

- Thí sinh phải làm thủ tục đăng kí nhập học theo quy định của trường.

- Khi nhập học, thí sinh trúng tuyển thực hiện đầy đủ các qui định theo Giấy triệu tập thí sinh trúng tuyển.

11. Điều kiện tốt nghiệp

(Trích Điều 27, Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/04/2014 của Bộ GD&ĐT về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp)

- Trong thời gian học tập theo quy định của khóa học.
- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Tích lũy đủ 125 tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình chung tích lũy của khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4).
- Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương.
- Hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm theo quy định.
- Được đánh giá đạt các học phần Giáo dục QP-AN, Giáo dục thể chất.

12. Ngày tháng ban hành:

13. Phiên bản chỉnh sửa.

II. Mục tiêu chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn, có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, tự học và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

III. Chuẩn đầu ra

IV.	CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA	TĐNL
1.	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Kiến thức giáo dục đại cương	
1.1.1	Hiểu biết các vấn đề cơ bản về lý luận chính trị	2.0
1.1.2	Sử dụng ngoại ngữ	3.0
1.1.3	Sử dụng kiến thức toán học giải quyết các vấn đề kinh tế	3.0
1.1.4	Ứng dụng kiến thức sinh học trong thực hành điều dưỡng	3.0
1.2.	Kiến thức cơ sở ngành Điều dưỡng	
1.2.1	Hiểu biết và áp dụng các kiến thức giải phẫu người	3.0
1.2.2	Nắm vững những kiến thức về hóa sinh, vi sinh học	3.0
1.2.3	Áp dụng các kiến thức sinh lý bệnh – miễn dịch	3.0
1.2.4	Áp dụng các kiến thức lí sinh học	3.0
1.2.5	Áp dụng các kiến thức ký sinh trùng	3.0

1.2.6	<i>Áp dụng các kiến thức di truyền y học</i>	3.0
1.2.7	<i>Áp dụng các kiến thức dược lí</i>	3.0
1.2.8	<i>Vận dụng các kiến thức dinh dưỡng học</i>	3.0
1.3	Kiến thức chuyên ngành Điều dưỡng	
1.3.1	<i>Vận dụng kiến thức về điều dưỡng cơ sở</i>	3.5
1.3.2	<i>Áp dụng kiến thức về điều dưỡng nội khoa, ngoại khoa, sản và nhi</i>	3.5
1.3.3	<i>Vận dụng kiến thức về chăm sóc sức khỏe gia đình, người già, cộng đồng và người nhiễm HIV/AIDS, sức khỏe tâm thần</i>	3.5
1.3.4	<i>Vận dụng kiến thức về quản lý điều dưỡng và thực hành điều dưỡng</i>	3.5
2.	KỸ NĂNG CÁ NHÂN, NGHỀ NGHIỆP VÀ PHẨM CHẤT	
2.1	Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề thực hành điều dưỡng	
2.1.1	<i>Nhận dạng và xác định các vấn đề liên quan đến kỹ năng thực hành điều dưỡng</i>	3.0
2.1.2	<i>Tổng quát hóa các vấn đề liên quan đến kỹ năng thực hành điều dưỡng</i>	3.0
2.1.3	<i>Tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến kỹ năng thực hành điều dưỡng</i>	3.0
2.1.4	<i>Có khả năng đánh giá các vấn đề liên quan đến kỹ năng thực hành điều dưỡng</i>	3.0
2.1.5	<i>Có khả năng cải tiến các vấn đề liên quan đến kỹ năng thực hành điều dưỡng</i>	3.0
2.2	Nghiên cứu khám phá kiến thức	
2.2.1	<i>Hình thành giả thuyết</i>	3.0
2.2.2	<i>Chọn lọc thông tin qua tài liệu</i>	3.0
2.2.3	<i>Triển khai khảo sát thực tế</i>	3.0
2.2.4	<i>Kiểm chứng và bảo vệ giả thuyết</i>	3.5
2.3	Tư duy hệ thống	
2.3.1	<i>Phác thảo tổng thể vấn đề</i>	3.0
2.3.2	<i>Xác định những vấn đề phát sinh và tương tác trong hệ thống</i>	3.0
2.3.3	<i>Chọn lọc, sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm</i>	3.5
2.3.4	<i>Phân tích ưu, nhược điểm và đề xuất giải pháp hợp lý</i>	3.5
2.4	Kỹ năng và phẩm chất cá nhân	
2.4.1	<i>Thể hiện sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro</i>	3.0
2.4.2	<i>Thể hiện tính kiên trì và linh hoạt</i>	3.0
2.4.3	<i>Thể hiện tư duy sáng tạo</i>	3.0

2.4.4	<i>Thể hiện</i> tư duy phản biện	3.0
2.4.5	<i>Có khả năng</i> tự nhận thức bản thân	3.0
2.4.6	<i>Có khả năng</i> quản lý thời gian và nguồn lực	3.0
2.4.7	<i>Có khả năng</i> thích ứng với sự phức tạp của thực tế	3.0
2.4.8	<i>Có khả năng</i> học tập suốt đời	3.0
2.5	Kỹ năng và thái độ nghề nghiệp	
2.5.1	<i>Thể hiện</i> đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng viên	4.0
2.5.2	<i>Thể hiện</i> thái độ hành xử chuyên nghiệp của điều dưỡng viên	3.5
2.5.3	<i>Lập kế hoạch</i> nghề nghiệp điều dưỡng viên	3.5
2.5.4	<i>Thể hiện</i> công bằng và trách nhiệm xã hội của điều dưỡng viên	3.5
3.	KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1	Làm việc nhóm	
3.1.1	<i>Thực hiện</i> thành lập nhóm	3.0
3.1.2	<i>Tổ chức</i> hoạt động nhóm	3.5
3.1.3	<i>Có khả năng</i> phát triển và lãnh đạo nhóm	3.0
3.1.4	<i>Có khả năng</i> làm việc trong nhóm chăm sóc sức khỏe	3.0
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	<i>Xây dựng</i> chiến lược giao tiếp	3.0
3.2.2	<i>Áp dụng</i> giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện	3.0
3.2.3	<i>Thể hiện</i> thuyết trình hiệu quả	3.5
3.2.4	<i>Có khả năng</i> phát triển các mối quan hệ xã hội	3.0
3.3	Sử dụng tiếng Anh	
3.3.1	<i>Có khả năng</i> đọc tài liệu	3.0
3.3.2	<i>Có khả năng</i> viết báo cáo và trình bày vấn đề đơn giản	3.0
3.3.3	<i>Có khả năng</i> giao tiếp cơ bản	3.0
4.	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, XÂY DỰNG, THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH XÃ HỘI	
4.1	Bối cảnh môi trường xã hội	
4.1.1	<i>Hiểu biết</i> vai trò và trách nhiệm của điều dưỡng viên đối với xã hội	3.5
4.1.2	<i>Hiểu biết</i> các quy định của Nhà nước về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe	3.0
4.1.3	<i>Nắm bắt</i> các vấn đề mang tính thời sự	3.0
4.1.4	<i>Nhận định</i> bối cảnh hội nhập quốc tế	3.0
4.2	Bối cảnh xã hội	
4.2.1	<i>Hiểu biết</i> văn hóa chăm sóc người bệnh	3.0

4.2.2	<i>Phân tích</i> mục tiêu, chiến lược và kế hoạch thực hành điều dưỡng	4.0
4.2.3	<i>Đánh giá</i> khả năng phát triển kỹ năng thực hành điều dưỡng	3.0
4.2.4	<i>Hiểu</i> các vị trí, môi trường làm việc của điều dưỡng viên	3.0
4.3	Hình thành ý tưởng	
4.3.1	<i>Xác định</i> các mục tiêu của cho thực hành điều dưỡng	3.0
4.3.2	<i>Xây dựng</i> chức năng, nhiệm vụ của điều dưỡng viên	3.5
4.3.3	<i>Mô hình hóa</i> ý tưởng của các kỹ năng thực hành điều dưỡng	3.5
4.3.4	<i>Lập kế hoạch</i> quản lý hoạt động điều dưỡng	3.5
4.4	Xây dựng kế hoạch hành động điều dưỡng	
4.4.1	<i>Xây dựng</i> quy trình hoạt động điều dưỡng	3.0
4.4.2	<i>Lựa chọn</i> cách tiếp cận quy trình hoạt động điều dưỡng	3.0
4.4.3	<i>Áp dụng</i> kiến thức trong xây dựng hoạt động điều dưỡng	3.0
4.4.4	<i>Vận dụng</i> kiến thức xây dựng các kỹ năng thực hành điều dưỡng	3.5
4.5	Thực hiện hoạt động điều dưỡng	
4.5.1	<i>Lựa chọn</i> nguồn lực thực hiện hoạt động điều dưỡng	3.5
4.5.2	<i>Có khả năng</i> tổ chức thực hiện hoạt động điều dưỡng	3.5
4.5.3	<i>Có khả năng</i> quản lý hoạt động điều dưỡng	3.5
4.6	Đánh giá và cải tiến kỹ năng thực hành điều dưỡng	
4.6.1	<i>Thiết kế</i> tiêu chuẩn đánh giá hoạt động điều dưỡng	3.0
4.6.2	<i>Đánh giá</i> phương án hoạt động điều dưỡng	3.0
4.6.3	<i>Điều chỉnh/ cải tiến</i> phương án hoạt động điều dưỡng	3.0

V. Nội dung chương trình đào tạo

5.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 125tín chỉ, trong đó

5.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

23 TC

5.1.1.1. Khối kiến thức đại cương chung:

18 TC

- Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	
2	Triết học Mác - Lênin	3	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
	Cộng	11	

- Ngoại ngữ

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1)	3	
2	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2)	4	
	Cộng	7	

- *Giáo dục Quốc phòng – Giáo dục thể chất (chứng chỉ bắt buộc)*

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Giáo dục quốc phòng 1(Đường lối quân sự)	(3)	
2	Giáo dục quốc phòng 2(Công tác QPAN)	(2)	
3	Giáo dục quốc phòng 3(QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	(3)	
4	Giáo dục thể chất	(5)	
	Cộng	(13)	

5.1.1.2. Kiến thức đại cương khối ngành:

5 TC

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Nhập môn ngành Điều dưỡng	2	
2	Sinh học	3	
	Cộng	5	

4.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

97 TC

4.1.2.1. Kiến thức cơ sở khối ngành:

36 TC

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Tự chọn 1	3	
2	Giải phẫu sinh lí người	4	
3	Hóa sinh	4	
4	Vi sinh học	4	
5	Lí sinh học	3	
6	Ký sinh trùng	4	
7	Sinh lí bệnh - miễn dịch	4	
8	Di truyền y học	4	
9	Dược lý	3	
10	Dinh dưỡng học	3	
	Cộng	36	

4.1.2.2. Kiến thức ngành:

61TC

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Tâm lý đạo đức y học	3	
2	Điều dưỡng cơ sở I	4	
3	Điều dưỡng cơ sở II	4	

4	Dịch tễ học	3	
5	Y học cổ truyền	5	
6	Điều dưỡng bệnh nội khoa	5	
7	Điều dưỡng bệnh ngoại khoa	5	
8	Tự chọn 2	2	
9	Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực	4	
10	Chăm sóc sức khỏe gia đình	2	
11	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	
12	Điều dưỡng phụ sản	4	
13	Điều dưỡng nhi	4	
14	Tự chọn 3	2	
15	Điều dưỡng truyền nhiễm	3	
16	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	
17	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	3	
18	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	
	Cộng	61	

Tự chọn 1 (SV chọn 1 trong 2 học phần)

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Sức khỏe môi trường	3	
2	Giáo dục sức khỏe	3	

Tự chọn 2 (SV chọn 1 trong 2 học phần)

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	
2	Chăm sóc người bệnh HIV / AIDS	2	

Tự chọn 3 (SV chọn 1 trong 2 học phần)

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Quản lý điều dưỡng	2	
2	Nghiên cứu khoa học điều dưỡng	2	

- Thực tập tốt nghiệp

STT	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp	5	

5.2. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Tên học phần	Số TC	Tỷ lệ lý thuyết/ T.luận, bài	Chia theo năm/học kỳ			
				Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4

40	Vật lí trị liệu và phục hồi chức năng	3	15/(30)/90							3	
41	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	15/(30)/90							3	
42	Thực tập tốt nghiệp	5	0/(75)/150		8						5
Cộng:		125		16	17	19	18	18	18	14	5

5.3. Mô tả học phần

5.3.1. Nhập môn ngành Điều dưỡng

Môn học giới thiệu cho sinh viên tổng quát về ngành điều dưỡng; các nghề nghiệp liên quan đến ngành điều dưỡng, đồng thời trang bị phương pháp học tập hiệu quả, kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp cần có của sinh viên ngành điều dưỡng.

5.3.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được học vào học kỳ 1 năm thứ nhất. Là môn đại cương, cung cấp những kiến thức cơ bản, nền tảng, nhằm làm cho sinh viên có cách nhìn tổng quát về quá trình phát sinh, phát triển các học thuyết kinh tế chính trị. Trang bị kiến thức cơ bản về học thuyết kinh tế từ cổ điển đến hiện đại. Đồng thời giới thiệu khái quát nội dung về cơ chế thị trường, vai trò của chính phủ; hệ thống chính sách có liên quan đến hoạt động kinh tế mà sinh viên ra trường phải nhận diện, đánh giá, thực hành.

5.3.3. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác – Lênin được học vào học kỳ 1 năm thứ nhất. Là môn học đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin. Hiểu được những nội dung cơ bản của Triết học Mác – Lênin, từ đó làm cơ sở nghiên cứu các học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

5.3.4. Tiếng Anh 1

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh; Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày như bưu điện, nhà hàng, du lịch, quê hương, đất nước, ...; Cách phát âm các phụ âm trong tiếng Anh; Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, viết, nghe, nói ở mức độ tiền trung cấp.

5.3.5. Sinh học

Học phần Sinh học cung cấp cho sinh viên ngành Điều dưỡng những kiến thức cơ bản nhất và tổng quát nhất về cơ sở hóa học của sự sống, tế bào, miễn dịch, hình thái và chức năng động vật. Thông qua học phần, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức cơ bản về Sinh học làm cơ sở học các học phần chuyên ngành tiếp theo, rèn luyện kỹ năng tư duy logic, khái quát hóa các vấn đề Sinh học. Đồng thời, sinh viên cũng được rèn luyện thái độ học tập và nghiên cứu khoa học nghiêm túc.

5.3.6. Tự chọn 1

Sinh viên sẽ được chọn học 1 trong 2 học phần Sức khỏe môi trường hoặc Giáo dục sức

khỏe. Học phần Sức khỏe môi trường nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về các yếu tố môi trường và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe và nghề nghiệp. Từ đó, vận dụng được các kiến thức này vào công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho người bệnh, cộng đồng và nhận thức được trách nhiệm cá nhân trong thực hành nghề nghiệp.

Học phần Giáo dục sức khỏe cung cấp cho sinh viên ngành điều dưỡng các khái niệm cơ bản về hành vi và hành vi sức khỏe; các khái niệm, nguyên tắc, các bước tổ chức tư vấn giáo dục sức khỏe. Hướng dẫn cho sinh viên thực hiện các bước chuẩn bị và các bước thực hành chăm sóc sức khỏe sau điều trị bệnh cho bệnh nhân.

5.3.7. Tâm lý đạo đức y học

Học phần Tâm lý đạo đức y học giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng, vai trò của Y đức trong hoạt động y tế, hành vi, thái độ của người làm công tác y tế, chuẩn mực về thái độ và hành động của dược sĩ, bác sĩ, điều dưỡng, kỹ thuật viên... Nắm được các nguyên tắc của y đức và thực hiện đúng các chuẩn mực của người thầy thuốc. Trình bày được nội dung 12 điều Y đức.

5.3.8. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các quy luật xã hội - chính trị, học thuyết về những điều kiện, con đường giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động, về cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân, về cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, về các quy luật, biện pháp đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của chính đảng Mác-xít nhằm thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

5.3.9. Giải phẫu sinh lý người

Giải phẫu sinh lý người là môn khoa học nghiên cứu về hình thái, cấu trúc, chức năng, quy luật hoạt động sinh lý của các cơ quan và hệ cơ quan trong cơ thể người trong mối liên hệ thống nhất với nhau, cũng như mối liên hệ giữa cơ thể với môi trường. Học phần cung cấp những kiến thức quan trọng cho các bạn sinh viên ngành điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho người bệnh và thực hành các kỹ năng điều dưỡng. Học phần là cơ sở sinh viên nghiên cứu các học phần khác như Sinh lý bệnh – miễn dịch, điều dưỡng nội và ngoại khoa, sản và nhi. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng thuyết trình và tư duy phản biện.

5.3.10. Hóa sinh

Học phần Hóa sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở lý thuyết cấu tạo các nguyên tố, chất hóa học, các phản ứng hóa học cơ bản trong phòng thí nghiệm và trên cơ thể sống. Sinh viên phân tích được các quy luật về sự vận động và biến đổi của các chất, chiều hướng và giới hạn của các quá trình hóa học xảy ra trong phòng thí nghiệm và trong cơ thể.

5.3.11. Vi sinh học

Học phần vi sinh cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm hình thái, cấu trúc, chức năng, sự phát triển, sinh sản của vi sinh vật; ảnh hưởng của yếu tố lý học và hóa học tới sự phát triển của vi sinh vật; ứng dụng một số yếu tố lý hóa trong kiểm soát vi sinh vật gây bệnh; sự

tương tác giữa vi sinh vật và cơ thể con người; phương thức bảo vệ của cơ thể chống nhiễm trùng; đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh của một số vi sinh vật; phương pháp chẩn đoán, biện pháp phòng, điều trị một số bệnh nhiễm trùng. Học phần vi sinh cũng giúp sinh viên ý thức được sự nguy hiểm của vi sinh vật gây bệnh đến sức khỏe cá nhân và cộng đồng.

5.3.12. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam trình bày khách quan, toàn diện và có hệ thống các sự kiện cơ bản về lịch sử Đảng qua từng giai đoạn và thời kỳ cách mạng trong sự vận động, phát triển và những mối liên hệ nội tại của nó. Trên cơ sở đó so sánh với yêu cầu thực tiễn để phân tích, đánh giá các hoạt động của Đảng; khẳng định những thắng lợi, thành tựu và những sai lầm, khuyết điểm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; khái quát được các sự kiện và biến cố lịch sử, vạch ra bản chất, khuynh hướng chung và những quy luật khách quan chi phối sự vận động của lịch sử.

5.3.13. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, xây dựng con người mới. Trình bày những luận điểm về cách mạng Việt Nam từ Cách mạng Dân tộc Dân chủ Nhân dân tiến lên CNXH nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Nhận thức được Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Học tập và làm việc được theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5.3.14. Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp trong tiếng Anh, thực hành các từ vựng chuyên ngành Điều dưỡng, các tình huống trong thực hành điều dưỡng và chăm sóc bệnh nhân.

5.3.15. Lí sinh học

Lý sinh học là môn khoa học liên ngành, ứng dụng lý thuyết, phương pháp của khoa học vật lý và các ngành khoa học vật lý khác để giải quyết các vấn đề sinh học. Học phần Lí sinh học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vật lý và sinh học liên quan đến các hệ thống sống, bao gồm sự biến đổi năng lượng, vận chuyển vật chất trong cơ thể sống, các hiện tượng điện trên cơ thể sống, sóng âm và siêu âm, quang sinh học và y học phóng xạ và hạt nhân. Học phần giúp sinh viên nắm vững nguyên lý hoạt động của các thiết bị y học trong chẩn đoán và điều trị bệnh cho bệnh nhân.

5.3.16. Ký sinh trùng

Học phần cung cấp cho sinh viên các đặc điểm cấu tạo hình thể, chu kỳ, dịch tễ, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, cách phòng và điều trị một số bệnh thường gặp do ký sinh trùng gây ra. Phân tích mối liên quan giữa chu kỳ, sinh thái của ký sinh trùng với phân bố dịch tễ các bệnh do chúng gây ra; mối liên quan giữa chu kỳ của ký sinh trùng với diễn biến bệnh, cách

phòng và điều trị các bệnh do chúng gây ra. Sinh viên được quan sát và đánh giá kết quả soi tiêu bản bệnh phẩm của người mắc bệnh do một số ký sinh trùng gây ra.

5.3.17. Điều dưỡng cơ sở I

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về về lịch sử điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng, đạo đức, định hướng phát triển; các học thuyết về điều dưỡng; quy trình điều dưỡng; thực hành các kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.

5.3.18. Sinh lý bệnh-miễn dịch

Học phần Sinh lý bệnh-miễn dịch cung cấp cho sinh viên các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình, quy luật hoạt động của các bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể, vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và quá mẫn. Vận dụng kiến thức sinh lý bệnh-miễn dịch vào việc học tập các môn điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.

5.3.19. Điều dưỡng cơ sở II

Học phần Điều dưỡng cơ sở II cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò và trách nhiệm của người điều dưỡng, phát triển kế hoạch chăm sóc trên cơ sở đánh giá toàn diện người bệnh, sử dụng nguyên tắc an toàn, kỹ năng tư duy thấu đáo và thực hành dựa vào bằng chứng vào quy trình điều dưỡng. Thực hành các thủ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh.

5.3.20. Di truyền y học

Học phần Di truyền y học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về một số quy luật di truyền chi phối tính trạng ở người từ đó có kiến thức tổng quan về di truyền người. Nguyên nhân, cơ chế sinh bệnh của các nhóm bệnh, tật di truyền ở người từ đó có kiến thức tổng quan về con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý làm nền tảng cho việc thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng và chăm sóc con người.

5.3.21. Dược lí

Học phần Dược lí cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hoạt động của thuốc trong cơ thể người bao gồm các nguyên lý dược động học như: hấp thụ, phân bố, chuyển hóa, bài tiết, tác dụng mong muốn và không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc thường dung. Nhận biết hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản. Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.

5.3.22. Dinh dưỡng học

Học phần Dinh dưỡng học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng; các kiến thức cơ bản về an

toàn vệ sinh thực phẩm; vận dụng kiến thức về dinh dưỡng học vào thực tế chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hóa của người bệnh.

5.3.23. Dịch tễ học

Học phần Dịch tễ học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định các yếu tố nguy cơ phát triển bệnh; mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; phân tích đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng. Nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch. Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

5.3.24. Y học cổ truyền

Học phần Y học cổ truyền cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận y học cổ truyền, một số phương pháp chẩn trị của Y học cổ truyền, ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền. Các quy luật của học thuyết Âm dương, học thuyết Ngũ hành và những ứng dụng của học thuyết này trong chăm sóc người bệnh.

5.3.25. Điều dưỡng bệnh nội khoa

Học phần Điều dưỡng bệnh nội khoa cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe cho người bệnh mắc các bệnh nội khoa và chuyên khoa hệ nội; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh.

5.3.26. Điều dưỡng bệnh ngoại khoa

Học phần Điều dưỡng bệnh ngoại khoa cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người lớn mắc các bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Phát triển được kế hoạch chăm sóc dựa trên bằng chứng xác thực, những nguyên tắc an toàn và duy trì sự thoải mái cho người bệnh.

5.3.27. Tự chọn 2

Học phần tự chọn 2, sinh viên được chọn 01 trong 2 học phần Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS. Học phần Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cung cấp những kiến thức cơ bản về những thay đổi tâm sinh lý và các vấn đề sức khỏe của người cao tuổi; nhu cầu chăm sóc của người cao tuổi và vai trò của người điều dưỡng. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng cho người cao tuổi.

Học phần Chăm sóc người bệnh HIV/AIDS cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về HIV/AIDS, chăm sóc người bệnh nhiễm HIV/AIDS, áp dụng các kỹ thuật chăm sóc sức khỏe, điều trị và phòng ngừa lây nhiễm HIV.

5.3.28. Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực

Học phần Điều dưỡng cấp cứu và điều trị tích cực cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc điều trị tích cực.

5.3.29. Chăm sóc sức khỏe gia đình

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị hiện đại trong hệ thống doanh nghiệp chung, doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thương mại. Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức về quản trị doanh nghiệp trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Đề xuất các biện pháp quản trị vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh.

5.3.30. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng

Học phần Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn; sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

5.3.31. Điều dưỡng phụ sản

Học phần Điều dưỡng phụ sản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau đẻ và thời kỳ mãn kinh. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về sản phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình.

5.3.32. Điều dưỡng nhi

Học phần Điều dưỡng nhi cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu và sinh lý của trẻ em; nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và biện pháp phòng các bệnh thường gặp ở trẻ em; chế độ nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ khỏe mạnh và trẻ bị bệnh. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản trẻ bị bệnh, xây dựng được kế hoạch chăm sóc cho bệnh nhi với triết lý thực hành dựa vào bằng chứng.

5.3.33. Tự chọn 3

Học phần Tự chọn 3, sinh viên chọn 01 trong 2 học phần Quản lý điều dưỡng và Nghiên cứu khoa học Điều dưỡng. Học phần Quản lý điều dưỡng cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ người điều dưỡng trong hệ thống quản lý điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống y tế và cộng đồng. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn.

Học phần Nghiên cứu khoa học điều dưỡng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học. Một số phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học và chất lượng chăm sóc người bệnh; Nhận xét, đánh giá các báo cáo,

tài liệu nghiên cứu khoa học. Phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học về điều dưỡng

5.3.34. Điều dưỡng truyền nhiễm

Học phần Điều dưỡng truyền nhiễm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Hiệu quả của các chiến lược và chính sách hiện nay trong công tác phòng bệnh, theo dõi và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm ở Việt Nam.

5.3.35. Chăm sóc sức khỏe tâm thần

Học phần Chăm sóc sức khỏe tâm thần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe tâm thần; các phương pháp trị liệu; chăm sóc cho người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

5.3.36. Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng

Học phần Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng; một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; vai trò, nhiệm vụ của người điều dưỡng trong quá trình chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng bằng vật lý trị liệu và phục hồi chức năng, thực hiện được một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

5.3.37. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Học phần Chăm sóc sức khỏe cộng đồng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; các phương pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng và vai trò. Nhiệm vụ của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng sức khỏe cộng đồng.

5.3.38. Thực tập tốt nghiệp

Học phần thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng, bệnh viện; mô tả và phân tích được chức năng, nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được quy trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện.

Thực tập tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng.

VI. Ma trận các kỹ năng

6.1. Kỹ năng cứng

- **Năng lực thực hành** (theo chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam do Bộ Y tế ban hành tháng 4/2012): gồm 3 lĩnh vực, 25 chuẩn năng lực, 110 tiêu chí

Lĩnh vực	Chuẩn năng lực	Tiêu chí
A.CHĂM SÓC		
	1.Hiểu biết về tình trạng sức khỏe người bệnh	1.Xác định tình trạng sức khỏe 2.Giải thích tình trạng sức khỏe
	2.Ra quyết định chăm sóc	1.Phân tích vấn đề sức khỏe 2.Ra quyết định chăm sóc 3.Thực hiện chăm sóc 4.Theo dõi khi chăm sóc
	3.Xác định sức khỏe ưu tiên	1.Xác định sức khỏe ưu tiên 2.Can thiệp
	4.Sử dụng Quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc	1.Đánh giá người bệnh 2.Tổng hợp thông tin 3.Phân tích vấn đề sức khỏe 4.Lập kế hoạch chăm sóc 5.Giải thích, hướng dẫn NB 6.Thực hiện kế hoạch chăm sóc 7.Lượng giá chăm sóc 8.Hỗ trợ người bệnh xuất viện 9.Giáo dục sức khỏe
	5.Tạo an toàn cho người bệnh	1.Biện pháp tạo an toàn 2.Đảm bảo thoải mái cho NB 3.Đảm bảo sự kín đáo cho NB
	6.Tiến hành kỹ thuật CS đúng quy trình	1.Đủ các bước 2.Thành thạo 3.Đảm bảo kiểm soát nhiễm khuẩn
	7.Dùng thuốc cho người bệnh an toàn	1.Hỏi tiền sử dị ứng thuốc 2.Nắm kỹ quy tắc dùng thuốc 3.Hướng dẫn sử dụng thuốc 4.Xử trí phản ứng thuốc 5.Biết tương tác thuốc 6.Nhận biết hiệu quả của thuốc 7.Ghi chép đúng, đầy đủ
	8.Chăm sóc liên tục	1.Bàn giao chăm sóc, theo dõi 2.Phối hợp trong chăm sóc 3.Có biện pháp thích hợp
	9.Sơ cấp cứu	1.Phát hiện vấn đề cấp cứu 2.Ra quyết định xử trí kịp thời

		<ul style="list-style-type: none"> 3. Phối hợp trong xử trí 4. Xử trí đúng, nhanh chóng
	10. Lập mối quan hệ với người bệnh	<ul style="list-style-type: none"> 1. Tạo niềm tin cho người bệnh 2. Giao tiếp với người bệnh. 3. Lắng nghe người bệnh
	11. Giao tiếp với người bệnh có hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> 1. Biết tâm lý người bệnh 2. Giao tiếp có hiệu quả 3. Dùng lời nói để giao tiếp hiệu quả 4. Hiểu văn hóa người bệnh để giao tiếp
	12. Sử dụng kênh truyền thông để giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> 1. Sử dụng phương tiện nghe nhìn 2. Sử dụng phương tiện giao tiếp
	13. Cung cấp thông tin cho người bệnh	<ul style="list-style-type: none"> 1. Xác định thông tin cần thiết 2. Chuẩn bị tâm lý NB khi giao tiếp
	14. Tổ chức giáo dục sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> 1. Thu thập thông tin 2. Xác định nhu cầu giáo dục sức khỏe 3. Lập kế hoạch giáo dục sức khỏe 4. Chuẩn bị tài liệu giáo dục sức khỏe 5. Thực hiện giáo dục sức khỏe 6. Lượng giá giáo dục sức khỏe
	15. Làm việc nhóm	<ul style="list-style-type: none"> 1. Duy trì mối quan hệ trong nhóm 2. Hợp tác tốt 3. Tôn trọng lẫn nhau 4. Tôn trọng quyết định của nhau 5. Chia sẻ thông tin 6. Vai trò bệnh hộ cho người bệnh
B. QUẢN LÝ		
	16. Quản lý bệnh án	<ul style="list-style-type: none"> 1. Biết quy chế quản lý bệnh án 2. Bảo mật thông tin bệnh án 3. Ghi chép hồ sơ đúng nguyên tắc 4. Sử dụng hồ sơ đúng quy định
	17. Quản lý công tác chăm sóc	<ul style="list-style-type: none"> 1. Xác định công việc 2. Phân công nhiệm vụ 3. Điều phối công việc 4. Sử dụng nguồn lực có hiệu quả 5. Sử dụng công nghệ thông tin
	18. Quản lý trang thiết bị	<ul style="list-style-type: none"> 1. Phát huy hiệu quả trang thiết bị 2. Bảo trì trang thiết bị 3. Vận hành trang thiết bị
	19. Sử dụng nguồn lực tài chính	<ul style="list-style-type: none"> 1. Biết hiệu quả kinh tế 2. Xây dựng nguồn lực tài chính

	20.Tạo môi trường làm việc an toàn	<ol style="list-style-type: none"> 1.Biết quy tắc làm việc an toàn 2.Biết chính sách làm việc an toàn 3.Quản lý môi trường chăm sóc 4.Quản lý chất thải y tế 5.Phòng cháy 6.Hiểu biết sức khỏe nghề nghiệp
	21.Cải tiến chất lượng chăm sóc	<ol style="list-style-type: none"> 1.Đảm bảo chất lượng chăm sóc 2.Khắc phục nguy cơ chăm sóc 3.Nhận phản hồi từ người bệnh 4.Áp dụng phương pháp cải tiến 5.Tham gia hoạt động cải tiến 6.Chia sẻ thông tin về người bệnh 7.Bình phiếu chăm sóc 8.Đề xuất về phương pháp chăm sóc 9.Thực hành dựa vào bằng chứng
	22.Nghiên cứu khoa học	<ol style="list-style-type: none"> 1.Đưa ra vấn đề nghiên cứu 2.Áp dụng các phương pháp NCKH 3.Sử dụng phần mềm thống kê Y học 4.Đề xuất sau nghiên cứu 5.Chia sẻ kết quả sau nghiên cứu 6.Ứng dụng kết quả nghiên cứu
	23.Phát triển năng lực bản thân	<ol style="list-style-type: none"> 1.Nguyện vọng nâng cao trình độ 2.Học tập liên tục 3.Tham gia các hoạt động nghề nghiệp 4.Quảng bá hình ảnh người điều dưỡng 5.Tích cực và thích nghi với đổi mới 6.Chăm sóc theo tiêu chuẩn thực hành 7.Đóng góp cho đồng nghiệp 8.Đóng góp cho ngành nghề
C.HÀNH NGHỀ		
	24.Hành nghề theo quy định của pháp luật	<ol style="list-style-type: none"> 1.Hành nghề theo pháp luật 2. Tuân thủ nội quy cơ quan 3.Thực hiện quy tắc ứng xử 4.Ghi chép về dữ liệu người bệnh
	25.Hành nghề theo Y đức	<ol style="list-style-type: none"> 1.Chịu trách nhiệm khi hành nghề 2.Tuân thủ chuẩn Y đức 3.Báo cáo trung thực khi vi phạm

-Năng lực tổ chức quản lý:

+ Quản lý chuyên môn: công tác tiếp đón người bệnh, lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, phân cấp mô hình chăm sóc.

+ Quản lý nhân lực: quản lý nhân viên, quản lý học sinh và sinh viên thực tập.

+ Quản lý vật tư –trang thiết bị: cách lập dự trù, cấp phát, sử dụng, bảo quản vật tư-trang thiết bị y tế, kiểm tra đánh giá.

+ Quản lý hành chính: các loại thủ tục hồ sơ, ghi chép, bảo quản giấy tờ hồ sơ...

- **Năng lực phát hiện sớm dịch bệnh:** tại địa phương và tích cực tham gia chống dịch

6.2. Kỹ năng mềm

- **Giao tiếp ứng xử:** Thực hiện đúng qui định ứng xử trong các cơ sở khám chữa bệnh (Theo thông tư 07/2014/TT-BYT):

- Khi thực tập tại các cơ sở y tế:

+ Thực hiện nghiêm túc các quy định

+ Có đạo đức và lối sống lành mạnh

+ Có ý thức tổ chức kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử tốt.

+ Chấp hành nhiệm vụ được giao, chủ động, chịu trách nhiệm trong công việc.

- Khi ứng xử giao tiếp:

+ Lịch sự, hòa nhã và ứng xử văn minh

+ Giữ gìn bí mật thông tin của người bệnh

- **Về ngoại ngữ**

- Giao tiếp được trong các tình huống cơ bản của đời sống

- Giao tiếp được các tình huống cơ bản thuộc chuyên ngành

- Đọc và tham khảo được tài liệu thuộc chuyên ngành

- **Về tin học**

- Thực hiện các thao tác quản lý đối với các thư mục, tập tin trên máy tính

- Sử dụng được các dịch vụ Internet như email, tìm kiếm thông tin.

- Thực hiện được các thao tác soạn thảo, định dạng cơ bản trong Microsoft Word

- Thực hiện được các thao tác tạo và định dạng bảng tính; sử dụng công thức và các hàm số cơ bản vào các bài toán ứng dụng Microsoft Excel.

- Thiết kế được các trình diễn bằng phần mềm Microsoft PowerPoint.

- **Kỹ năng làm việc nhóm:** Phối hợp với các thành viên trong nhóm có hiệu quả. Kỹ năng tổ chức học tập và nghiên cứu ca bệnh.

- **Kỹ năng làm việc tại cộng đồng**

- **Kỹ năng tìm kiếm và tự tạo việc làm**

6.3. Yêu cầu về thái độ

- **Thực hiện đầy đủ 12 điều Y đức:**

- Có lương tâm và có trách nhiệm với nghề, yêu nghề và không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn.

- Tôn trọng pháp luật và thực hiện đúng quy chế chuyên môn.

- Tôn trọng quyền lợi của người dân đến khám chữa bệnh, không phân biệt đối xử, lịch sự, nhã nhặn, trung thực.

- Giao tiếp ứng xử lịch sự, giải thích nhẹ nhàng đối với người nhà người bệnh.
- Cấp cứu khẩn trương, không đùn đẩy người bệnh.
- Kê đơn thuốc an toàn, phù hợp với chẩn đoán, không tư lợi.
- Không rời bỏ vị trí khi đang làm việc.
- Giáo dục sức khỏe trước khi người bệnh xuất viện.
- Có thái độ đồng cảm, chia sẻ, an ủi người nhà người bệnh khi người bệnh tử vong.
- Quan hệ tốt với đồng nghiệp
- Biết kiểm điểm và tự kiểm điểm bản thân khi mắc lỗi, không đùn đẩy trách nhiệm.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục sức khỏe.
- **Tuân thủ đúng 8 tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng viên:**
- Bảo đảm an toàn cho người bệnh;
- Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh.
- Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh.
- Trung thực khi hành nghề.
- Duy trì và nâng cao năng lực nghề nghiệp.
- Tự tôn nghề nghiệp
- Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp.
- Cam kết với cộng đồng xã hội

VII. Cách thức đánh giá kết quả học tập

7.1. Thang điểm đánh giá:

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó chuyển sang thang điểm 4

7.2. Quy định về cách thức đánh giá:

- *Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau mỗi kỳ học theo các tiêu chí:*

+ Khối lượng kiến thức học tập là tổng số tín chỉ của các môn học mà sinh viên đã đăng ký học trong kỳ .

+ Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng tín chỉ của những môn học đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

+ Điểm trung bình học kỳ là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong kỳ đó (bao gồm các học phần đánh giá loại đạt và không đạt).

+ Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

- *Đánh giá kết quả học phần:*

+ Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: Điểm đánh chuyên cần, điểm đánh giá hồ sơ học phần, điểm đánh giá giữa kỳ và điểm đánh giá cuối kỳ.

+ Điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số 50% điểm của học phần.

+ Cách tính điểm học phần: Các loại điểm đánh giá học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10); Điểm học phần là tổng điểm của các loại điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần sau khi đã tính trọng số được qui định trong đề cương học phần và được

làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang điểm chữ là: A, B+, B, C+, C, D+, D (loại đạt) và F (không đạt).

Điểm chữ	Điểm 10 tương ứng	Quy ra thang điểm 4
A	8,5 – 10	4
B+	8,0 – 8,4	3,5
B	7,0 – 7,9	3
C+	6,5 – 6,9	2,5
C	5,5 – 6,4	2
D+	5,0 – 5,4	1,5
D	4,0 – 4,9	1
F	< 4,0	0

VIII. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

8.1. Đội ngũ giảng viên

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị, nước	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Ngọc Hiền		Tiến sĩ, bác sĩ Hàn Quốc	Y học Điều dưỡng	- Dinh dưỡng học (3 tín chỉ) - Chăm sóc sức khỏe cộng đồng(3 tín chỉ)
2.	Nguyễn Ngọc Hòa		Tiến sĩ, bác sĩ Việt Nam	Thần Kinh	- Điều dưỡng cấp cấp và điều trị tích cực(3 tín chỉ) - Chăm sóc sức khỏe tâm thần (3 tín chỉ)
3.	Quế Anh Trâm		Tiến sĩ, bác sĩ Việt Nam	Ký sinh trùng	- Dịch tễ học(3 Tín chỉ) - Điều dưỡng truyền nhiễm (3 tín chỉ)
4.	Tăng Xuân Hải		Tiến sĩ, bác sĩ Việt Nam	Điều dưỡng	- Điều dưỡng cơ sở I(4 tín chỉ)
5.	Dương Đình Chinh	PGS	Tiến sĩ, Bác sĩ, Việt Nam	Điều dưỡng	- Quản lý điều dưỡng (2 tín chỉ)
6.	Châu Thị Bích Thủy		Thạc sĩ bác sĩ Việt Nam	Y học cổ truyền	- Y học cổ truyền (5 tín chỉ)
7.	Nguyễn Thị Xuân		Tiến sĩ bác sĩ Việt Nam	Điều dưỡng	- Điều dưỡng cơ sở II(4 tín chỉ)

8.	Nguyễn Văn Hương	PGS	Tiến sĩ, bác sỹ Việt Nam	Nội	- Điều dưỡng nội khoa(5 tín chỉ)
9.	Nguyễn Quang Trung	PGS	Tiến sĩ, bác sỹ Việt Nam	Ngoại	- Điều dưỡng ngoại khoa (5 tín chỉ)
10.	Nguyễn Viết Bình		Thạc sĩ, bác sỹ Việt Nam	Dịch tễ	- Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng(3 tín chỉ)
11.	Cao Trường Sinh	PGS, 2010 GVCC	CKII, Việt Nam	Tim mạch	Tâm lý đạo đức y học (3 tín chỉ)
12.	Hoàng Thị Ái Khuê	PGS, 2009	TS Việt Nam	Giải phẫu sinh lý người	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi(3 tín chỉ)
13.	Nguyễn Văn Thắng		Tiến sĩ, Việt Nam	Sản	- Điều dưỡng phụ sản (3 tín chỉ)
14.	Nguyễn Lê Ái Vĩnh		Tiến sĩ, Nhật Bản	Khoa học môi trường	Vi sinh học (4 tín chỉ)
15.	Hoàng Vĩnh Phú		Tiến sĩ, Slovakia, 2011	Công nghệ sinh học	Di truyền y học (4 tín chỉ)
16.	Nguyễn Thị Quỳnh Giang		ThS, Việt Nam,	Hóa dược	Dược lí (3 tín chỉ);
17.	Lê Quang Vượng		Tiến sĩ, Brunei, 2016	Sinh lý sinh thái thực vật	Hóa sinh (4tín chỉ);
18.	Cao Tiên Trung	Phó giáo sư, 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Động vật học	- Nhập môn ngành Điều dưỡng (2 tín chỉ) - Sinh học (1 tín chỉ) - Ký sinh trùng(4 tín chỉ)
19.	Nguyễn Thị Giang An		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Sinh lý người và động vật	Sinh lý bệnh – miễn dịch (4 tín chỉ)
20.	Hồ Thị Phương		Tiến sĩ Nhật bản	Môi trường	Giáo dục sức khỏe (3 tín chỉ)
21.	Đào Thị Minh Châu		Tiến sĩ Việt Nam	Thực vật học	Sức khỏe môi trường (3 tín chỉ)
22.	Nguyễn Công Phượng		CK1, Việt Nam	Sinh lý người	Chăm sóc sức khỏe gia đình (3 tín chỉ)
23.	Nguyễn Thị Thảo		Tiến sĩ, Việt Nam 2016	Di truyền học	Di truyền y học (4 tín chỉ);

24.	Nguyễn Đức Vương		Thạc sĩ, Bác sĩ, Việt Nam		- Chăm sóc cho bệnh nhân phục hồi chức năng (3 tín chỉ)
25.	Hồ Đình Quang		Tiến sĩ, Ba Lan	Giải phẫu sinh lí, vật lí	- Sinh học (1 tín chỉ) - Giải phẫu sinh lí người (4 tín chỉ) - Lí sinh học (3 tín chỉ)
26.	Nguyễn Thị Huyền		Thạc sĩ, Việt Nam	Công nghệ thực phẩm	Dinh dưỡng học (3 tín chỉ)
27.	Thái Bình Dương		Thạc sĩ, Việt Nam, 1993	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	- Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ) - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (3 tín chỉ)
28.	Nguyễn Văn Trung		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Chính trị	- Kinh tế chính trị Mác-Lênin (3 tín chỉ) - Triết học Mác-Lênin (2 tín chỉ)
29.	Trần Bá Tiến		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Lý luận ngôn ngữ, Việt Nam, 2013	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1) (3 tín chỉ) Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2) (4 tín chỉ)
30.	Phan Sinh		Thạc sĩ, Việt Nam, 2003	Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất (5 tín chỉ)
31.	Trần Văn Thông		Trung tá - Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Quản lý giáo dục	Giáo dục quốc phòng (8 tín chỉ)

8.2. Cơ sở vật chất

Nhà trường đã có hệ thống cơ sở vật chất tương đối khang trang, đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Tổng diện tích đất được quy hoạch của Nhà trường hiện nay là 286,8 ha. Trường Đại học Vinh có cơ sở chính (cơ sở 1) tại số 182 đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, diện tích trên 14 ha; cơ sở 2 tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh và xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An với diện tích 258 ha; cơ sở 3 tại xã Xuân Trường, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; diện tích trên 9,3 ha; cơ sở 4 tại thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 5 ha; cơ sở 5 tại phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; diện tích gần 0,5 ha. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh có Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại Thành phố Thanh Hoá.

❖ Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Cơ sở vật chất của Trường tương đối hiện đại và đồng bộ. Hệ thống phòng học học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đó và đang được xây dựng với 131 phòng học nhà kiên cố, 66 phòng giảng

đạy bài giảng điện tử (trong đó có nhiều phòng học trực tuyến phục vụ một lúc hơn 1.000 người học; có trung tâm hội thảo trực tuyến nối liền các trung tâm hội nghị trên cả nước) và 72 phòng thí nghiệm có trang thiết bị hiện đại, đồng bộ.

Cụ thể như sau:

STT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	138	9.248			Tất cả các môn học
2	Giảng đường	4	930	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	4 4 4 4 2	Tất cả các môn học
3	Phòng học đa phương tiện	62	6.032	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Tivi - Tủ điều khiển	62 42 42 3 1	Tất cả các môn học
4	Phòng học ngoại ngữ	2	156	- Ampli, loa - Máy tính - Máy chiếu - Đầu đĩa - Tai nghe - Máy chủ	2 100 2 2 100 2	Các học phần Ngoại ngữ
5	Phòng máy tính	14	1.302	- Máy tính	1150	Tin học cơ sở, Tin học quản lý đầu tư

❖ Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành ngành Điều dưỡng

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)/ phòng	Phục vụ học phần
1	Phòng thực tập Sinh học, Ký sinh trùng	50	- Sinh học - Ký sinh trùng
2	Phòng thực tập Dược lý	50	- Dược lý
3	Phòng thực tập Vi sinh	50	- Vi sinh học

4	Phòng thực tập Hóa sinh	50	- Hóa sinh - Di truyền y học
5	Phòng thực hành Y tế công cộng	50	- Sức khỏe môi trường. - Giáo dục sức khỏe - Dịch tễ học
6	Phòng thực hành Kỹ năng (Skill lab)	100	- Điều dưỡng cơ bản 1,2 - Điều dưỡng nội khoa - Điều dưỡng ngoại khoa
7	Phòng thực hành Sản-Nhi	70	- Điều dưỡng phụ sản - Điều dưỡng nhi
8	Phòng thực tập Y học cổ truyền	20	- Y học cổ truyền
9	Phòng thực tập Dinh dưỡng	50	- Dinh dưỡng học
10	Phòng thực tập Giải phẫu, sinh lí bệnh-miễn dịch	50	- Sinh lý người Sinh lý bệnh – Miễn dịch
11	Phòng phục hồi chức năng	50	- Phục hồi chức năng

❖ Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

a) Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: khuôn viên trên 4.000 m², nằm trên mặt tiền quốc lộ 1A. Tòa nhà thư viện gồm 8 tầng, tổng diện tích sử dụng trên 9.000 m², sức chứa trên 1.500 độc giả.

- Trong đó diện tích các phòng:

STT	Tên chủng loại	Số lượng	Diện tích sử dụng	Ghi chú
1	Kho báo, tạp chí + Kho LA +Kho CN + Kho KT	01	67 m ²	Tầng 6
2	Kho sách KHTN – KT	01	67 m ²	Tầng 5
3	Kho sách ngoại văn	01	60 m ²	Tầng 5
4	Kho sách KHXXH - NV	01	67 m ²	Tầng 4
5	Kho sách tổng hợp 3	01	67 m ²	Tầng 3
6	Kho sách tổng hợp 2	01	67 m ²	Tầng 2
7	Kho sách giáo trình	01	67 m ²	Tầng 1
8	Kho sách cơ sở II	01	100 m ²	Cơ sở II
9	Phòng đọc cán bộ	04	60 m ²	Tầng 4
10	Phòng đọc học sinh - sinh viên	07	1122 m ²	Tầng 2 đến tầng 6 + cơ sở II
11	Phòng máy tính (261 máy)	05	508 m ²	Tầng 1 đến tầng 4 + cơ sở II

12	Phòng làm việc + phòng họp	05	300 m ²	Tầng 1 đến tầng 4
13	Hội trường	01	187 m ²	Tầng 7
14	Phòng học	10	580 m ²	Tầng 4 đến tầng 7

- Số chỗ ngồi: 1.500 chỗ ngồi
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: Các phòng Internet, Phòng tra cứu tài liệu, Thư viện có tài nguyên số. Có máy vi tính nối mạng phục vụ tra cứu.
- Phần mềm quản lý thư viện: ILIB 4.0, nhà cung cấp: CMC.
- Thư viện điện tử: triển khai tra cứu tài liệu của Thư viện trên mạng Internet qua hệ thống tra cứu trực tuyến Opac (hàng ngày có từ 500 đến 1800 người online trên trang Web thư viện Đại học Vinh và đến sử dụng các phòng máy của thư viện).

IX. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Đây là chương trình khung, trình bày vắn tắt những kiến thức và kỹ năng cơ bản để đào tạo Cử nhân Điều dưỡng với thời lượng 4 năm.

- Bộ cục chương trình khoa học, kiến thức đi từ kiến thức đại cương, chuyên ngành và chuyên ngành hẹp. Để học tốt các phần kiến thức chuyên ngành sinh viên cần nắm vững kiến thức cơ sở.

- Trên cơ sở chương trình này, các Bộ môn phân công CBGD biên soạn đề cương bài giảng chi tiết, tiến tới biên soạn giáo trình môn học. Bộ môn phải theo sát nội dung chương trình để thực hiện các học phần theo logic đó được hội đồng khoa học Khoa thông qua.

- Hàng năm Hội đồng Khoa học - Đào tạo khoa sẽ đề nghị Hiệu trưởng điều chỉnh, bổ sung chương trình cho phù hợp với điều kiện, mục tiêu đào tạo. Sự điều chỉnh chương trình hàng năm chiếm tỷ trọng tối đa là 20%.

- Chương trình khung này đã được Hội đồng khoa học - đào tạo Viện Công nghệ Hóa sinh – Môi trường thẩm định và thông qua. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy sẽ cũng nghiên cứu, bổ sung, chỉnh lý để chương trình phù hợp với yêu cầu trong nước và quốc tế.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Đinh Xuân Khoa